

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2025.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Đến.
2. Ông Lâm Thái Hiệp.

- Thư Hôn phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư Hôn Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 24/02/1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 22/9/1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 02 năm 2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Đ trình bày: Anh và chị T xây dựng hôn nhân vào năm 2012 và đến năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống, có hai người con chung là cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 27/11/2019 và cháu Nguyễn Nh, sinh ngày 19/7/2012. Hiện nay cháu H và cháu Nh đang sống cùng anh. Về tài sản chung và nợ chung, không có.

Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Anh và chị T đã

sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Vì vậy, nay anh yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhạc, cháu Hợp và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chị Trần Thị Mỹ T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, chị T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà chị T để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp chị T nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị T. Về con chung, giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 27/11/2019 và cháu Nguyễn Nh, sinh ngày 19/7/2012 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Hoàng Đ nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Mỹ T. Khi khởi kiện, chị T có địa chỉ tại ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, chị Trần Thị Mỹ T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng Đ và chị Trần Thị Mỹ T tự nguyện kết hôn, có đăng Hôn kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 103/2013 quyển số 09 ngày 12 tháng 11 năm 2013 nên hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Anh Nguyễn Hoàng Đ xác định quá trình chung sống, anh và chị T bắt đầu quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay mà không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 3 năm 2025, ông Phạm Tấn Ch là Trưởng ấp N xác định *“Hiện nay, anh Đ và chị T đã sống ly thân từ tháng 01/2025... Khi Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T thì ông có thông báo cho chị T qua điện thoại nhưng chị T nói là đi làm xa không có thời gian về nhưng chị T đồng ý ly hôn với anh Đ”*. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh Đ và chị T đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị T biết anh Đ yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh Đ, điều này thể hiện thông qua việc chị T biết Tòa án triệu tập nhưng có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Do đó, anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Đ và chị T có một người con chung là cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 27/11/2019 và cháu Nguyễn Nh, sinh ngày 19/7/2012. Hiện cháu H và cháu Nh đang sống cùng anh Đ. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 27/11/2019 và cháu Nguyễn Nh, sinh ngày 19/7/2012, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Từ khi ly thân đến nay, cháu Hợp và cháu Nhạc sống cùng anh Đ, anh Đ vẫn chăm sóc các cháu tốt, phát triển bình thường. Đồng thời, cháu H và cháu Nh cũng có nguyện vọng sống cùng cha nếu cha mẹ ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hoàng Đ xác định quá trình chung sống, chị và chị T không có tài sản chung, nợ chung và anh Đ, chị T cũng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Hoàng Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hoàng Đ với chị Trần Thị Mỹ T. Xử cho anh Nguyễn Hoàng Đ được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 27/11/2019 và cháu Nguyễn Nh, sinh ngày 19/7/2012 cho anh Nguyễn Hoàng Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Trần Thị Mỹ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hoàng Đ không yêu cầu chị Trần Thị Mỹ T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hoàng Đ xác định không có, anh Nguyễn Hoàng Đ và chị Trần Thị Mỹ T đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Hoàng Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Hoàng Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004159 ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND xã Vĩnh Lộc, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu